TAND HUYỆN LỤC NGẠN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST
Ngày 14/7/2017
"V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Văn Phẩm

Ông Nguyễn Tất Bẩy.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn.

Ngày 14 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 101/2017/DSST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 26/6/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị C, sinh năm 1979 (Có mặt)
- Bị đơn: Anh Vi Văn H, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn H, xã C, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26/3/2017 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nông Thị C trình bày:

Chị và anh Vi Văn H kết hôn với nhau năm 1997, trước khi đi đến hôn nhân hai bên có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng vợ chồng không đăng ký kết hôn. Cưới xong chị về gia đình anh H làm dâu ngay, năm 1998 vợ chồng chị chuyển ra ở riêng. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2004 thì vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường uống rượu say rồi đánh đập vợ con. Năm 2009 chị chuyển sang ở nhờ nhà chị gái, vợ chồng cũng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Vi Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Vi Văn C, sinh ngày 22/6/1998 và Vi Thành C, sinh ngày 24/9/2001. Nay cháu C đã trưởng thành, đi làm ra thu nhập để tự lo cho bản thân nên chị không đề nghị gì, đối với cháu Công việc cháu muốn ở với ai đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu.

- Về tài sản, số nợ, ruộng canh tác: Vợ chồng chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/3/2017 bị đơn anh Vi Văn H trình bày:

Anh và chị Nông Thị C kết hôn với nhau năm 1997, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cưới xong chị C về nhà làm dâu ngay, thời gian đầu vợ chồng sống tình cảm, hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2006 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau trong cách nuôi dậy con cái và trong việc phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2016 đến nay và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong chị C suy nghĩ lại để về đoàn tụ gia đình, cùng nhau nuôi dậy các con nên người. Nếu chị C nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Vi Văn C, sinh ngày 22/6/1998 và Vi Thành C, sinh ngày 24/9/2001. Nay cháu C đã trưởng thành, nên anh không đề nghị gì, còn cháu C hiện đang sống cùng với anh, cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và đang trong độ tuổi đi học. Nguyện vọng của anh là tiếp tục được chăm sóc, nuôi dạy cháu C. Anh không yêu cầu chị C đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, số nợ, ruộng canh tác: Vợ chồng anh tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/3/2017 cháu Vi Thành C trình bày: Cháu là con của bố Vi Văn H và mẹ Nông Thị C. Cháu đang ở cùng với bố và cháu đang học lớp 9 trường Trung học cơ sở xã C, huyện L. Cháu biết việc mẹ cháu đang đề nghị giải quyết ly hôn với bố cháu tại Tòa án. Việc giải quyết như thế nào do bố

mẹ các cháu tự quyết định. Nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được ở với bố Vi Văn H. Mong Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nông Thị C trình bày: Chị giữ nguyên các nội dung đã trình bày theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản ghi lời khai của chị trong hồ sơ vụ án. Về thời điểm vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và thời điểm vợ chồng sống ly thân anh H có khai khác chị, nhưng chị khẳng định vợ chồng mâu thuẫn từ khoảng năm 2004 đến năm 2009 hai vợ chồng sống ly thân, thỉnh thoảng chị có về nhà anh H thăm các con vài ngày rồi lại đi. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Vi Văn H. Về con chung chị đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu Vi Thành C, nếu cháu C muốn ở với anh Vi Văn H thì chị nhất trí. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh H không yêu cầu chị cấp dưỡng, quan điểm của chị là đồng ý. Về tài sản, công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Vi Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh H vẫn vắng mặt và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh H có trong hồ sơ vụ án.

Cháu Vi Thành C vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố lời khai của cháu Vi Thành C có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc bị đơn anh Vi Văn H được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

Không công nhận chị Nông Thị C và anh Vi Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho anh Vi Văn H quản lý, chăm sóc con chung là Vi Thành C, sinh ngày 24/9/2001. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 25, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Nông Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Chị Nông Thị C và anh Vi Văn H kết hôn với nhau vào năm 1997, trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống với nhau từ năm 1997 cho đến nay anh chị không đi đăng ký kết hôn lại theo nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 về việc khuyến khích đăng ký kết hôn, là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mâu thuẫn vợ chồng chị C, anh H phát sinh khoảng năm 2004 - 2006, chị C và anh H đã sống ly thân từ năm 2009 và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ đó. Hiện mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, chị Chín có đơn đề nghị xin ly hôn với anh H nên cần áp dụng Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử: Không công nhận chị Nông Thị C và anh Vi Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Nông Thị C và anh Vi Văn H sinh được hai người con là Vi Văn C, sinh ngày 22/6/1998 và Vi Thành C, sinh ngày 24/9/2001. Hiện nay cháu C đã trên 18 tuổi, tự đi làm có thu nhập để nuôi sống bản thân, chị C và anh H không đề nghị gì đối với cháu C nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với cháu Vi Thành C, cháu có nguyện vọng được ở với bố là anh Vi Văn H, anh H cũng có nguyện vọng được quản lý, chăm sóc cháu C, xét thấy đề nghị được nuôi con chung của anh Vi Văn H là chính đáng, anh H có nơi ở ổn định, có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C. Mặt khác cháu C vẫn đang ở cùng anh H, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và có nguyện vọng được ở với bố. Do đó cần giao cho anh Vi Văn H tiếp tục quản lý, chăm sóc con chung là Vi Thành C, sinh ngày 24/9/2001 là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu C. Việc anh H và chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, sự thỏa thuận này phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị C được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị C thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ chung: Chị C, anh H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nông Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử:

1. Về quan hệ vợ chồng:

Không công nhận chị Nông Thị C và anh Vi Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao anh Vi Văn H quản lý, chăm sóc con chung là Vi Thành C, sinh ngày 24/9/2001. Chị Nông Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Nông Thị C được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 25, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nông Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0000841 ngày 27 tháng 3 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Chị Nông Thị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện L;
- UBND xã C, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Lưu HS.

Nguyễn Thái Sơn